TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **204**/2018/DS-ST
Ngày: 21/12/2018
Về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Huyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**.
2. Ông **Huỳnh Minh Chánh**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà **Phan Mỹ Dung** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 398/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1958.
Địa chỉ: Số 47-49 đường số 32, Phường K, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Phạm Ngọc Q**, sinh năm 1970; địa chỉ: 27/30 Điện Biên P, Phường P, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 11/6/2018) – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H1** – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thị H1 (thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh) – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Huỳnh Công S**, sinh năm 1979 – Vắng mặt.
Địa chỉ: B7/4 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Tấn N**, sinh năm 1945 – Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: Số 47-49 đường số 32, Phường K, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà **Nguyễn Hồng D**, sinh năm 1980 – Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: B7/4 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Ngọc Q trình bày:

Vào năm 2012, bà H có cho ông Huỳnh Công S vay số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng với lãi suất 1,125%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng. Sau khi ký hợp đồng, bà H đã giao đủ cho ông S số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

Ông S đã nhận đủ tiền theo thỏa thuận. Tuy nhiên, kể từ khi vay, mặc dù bà H đã thường xuyên nhắc nhở và đòi khoản nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nói trên, nhưng ông S cứ hứa hẹn nhiều lần, không hề trả cho bà H bất cứ khoản tiền gốc hay lãi nào.

Việc ông S không trả gốc và lãi cho bà H trong thời gian dài đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H.

Nay tại phiên tòa, ông Q đại diện cho bà H yêu cầu ông Huỳnh Công S có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc đã vay là 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng và tiền lãi là 1,125%/tháng, từ ngày 20/9/2012 đến ngày xét xử là 192.337.500 (Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng. Tổng cộng là: 422.337.500 (Bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng. Yêu cầu trả ngay một lần khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bà H không yêu cầu vợ ông S cùng có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho bà H.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Huỳnh Công S trình bày:

Vào năm 2012, ông S có vay của bà P (tên thật là Trần Thị H) số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, không thời hạn vay, sau đó ông S trả lãi được mấy tháng thì ngưng nên bà H cộng dồn lãi và gốc thành 230.000.000 đồng và yêu cầu ông S ra phòng công chứng lập hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2012, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 1,125%/tháng.

Nay bà H yêu cầu ông S trả số tiền 230.000.000 đồng cùng tiền lãi, do hoàn cảnh khó khăn ông S xin trả góp trong vòng 03 năm số tiền trên, xin miễn trả tiền lãi.

Việc vay nợ này do một mình ông S vay bà H nên ông S khẳng định vợ ông S là bà Nguyễn Hồng D không liên quan, ông S sẽ tự trả khoản nợ này cho bà H.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn N trình bày:

Ông Nguyễn Tấn N là chồng bà Trần Thị H, cả hai đăng ký kết hôn vào năm 2017, việc bà H cho ông Huỳnh Công S vay số tiền 230.000.000 đồng là tiền riêng của bà H, không liên quan đến ông N, không phải tiền chung vợ chồng nên ông N không có ý kiến gì và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồng D trình bày:

Bà D là vợ ông Huỳnh Công S, cả hai kết hôn vào năm 1999, việc ông S vay nợ của bà H thì bà D không biết nên bà D không đồng ý trả khoản nợ này, việc này do ông S tự chịu trách nhiệm. Bà D không ý kiến và xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Nguyễn Thị H1 trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến: Về Tố tụng: trong suốt quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự 2005, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả vốn gốc của nguyên đơn, chấp nhận tính tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng từ ngày 20/9/2012 đến ngày 20/3/2013 (06 (sáu) tháng), đối với tiền lãi tính từ ngày 21/3/2013 đến ngày xét xử tính theo mức lãi suất do nhà nước quy định là 0.75%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối ông Huỳnh Công S. Do bị đơn ông Huỳnh Công S có nơi cư trú tại B7/4 ấp 2, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Công S đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự đều không yêu cầu tính lại thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[5.1] Theo trình bày của nguyên đơn thì vào năm 2012, bà H có cho ông S vay số tiền là 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng, có làm hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2012 tại phòng công chứng, lãi suất là 1,125%/tháng, thời hạn vay là 06 (sáu) tháng. Sau khi vay cho đến nay ông S chưa trả cho bà H số tiền nào, cả lãi và vốn. Nay bà H yêu cầu ông S có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 230.000.000 đồng vốn gốc và tiền lãi là 1,125%/tháng tính từ ngày 20/9/2012 cho đến ngày xét xử là 192.337.500 (Một trăm chín mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng. Tổng cộng là: 422.337.500 (Bốn trăm hai mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng. Bà H không yêu cầu vợ ông S là bà Nguyễn Hồng D có trách nhiệm trả khoản nợ trên với ông S.

[5.2] Bị đơn ông Huỳnh Công S cho rằng vào năm 2012 ông chỉ vay của bà H số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, lãi suất 10%/tháng. Sau đó do ông S không trả được lãi nữa nên bà H cộng dồn lại thành số tiền 230.000.000 đồng và kêu ông S ra phòng công chứng ký tên vào hợp đồng vay tiền vào ngày 20/9/2012. Nay bà H yêu cầu ông trả số tiền trên và tiền lãi tính từ ngày 20/9/2012 đến nay, do hoàn cảnh khó khăn ông xin trả góp trong

thời hạn 03 năm, xin miễn trả tiền lãi theo yêu cầu của bà H. Ông S khẳng định đây là khoản nợ cá nhân ông, không liên quan đến vợ ông là bà Nguyễn Hồng D nên ông S đề nghị trả một mình khoản nợ trên cho bà H.

[5.3] Căn cứ vào hợp đồng vay tiền đề ngày 20/9/2012 thì có cơ sở xác định: Ngày 20/9/2012 ông Huỳnh Công S có ký giấy vay và đã nhận của bà Trần Thị H số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 1,125%/tháng, thời hạn vay là 06 (sáu) tháng. Theo lời trình bày của ông S thì ông S cho rằng: Thực chất, ông S chỉ vay của bà H ban đầu là 50.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng; do ông S không đóng tiền lãi nữa nên bà H cộng dồn và bắt ông S ra phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền ngày 20/9/2012. Đây là lời trình bày một phía của bị đơn và không được sự thừa nhận của nguyên đơn. Bị đơn cũng không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5.4] Khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng"*.

[5.5] Khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*.

[5.6] Khoản 1 Điều 476 bộ luật dân sự 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố với loại cho vay tương ứng"*.

[5.7] Khoản 5 điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *"Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*.

[5.8] Căn cứ vào các điều luật nên trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền vốn gốc. Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Không chấp nhận yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 20/9/2012 cho đến thời điểm xét xử. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính tiền lãi như sau: Lãi trong hạn tính theo mức lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 20/9/2012 đến 20/3/2013. Lãi quá hạn tính theo mức lãi suất của nhà nước quy định là 0,75%/tháng (tương đương 9%/năm) từ ngày 21/3/2013 đến 21/12/2018.

Theo đó, buộc ông Huỳnh Công S có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền như sau:

- Tiền vốn gốc là 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng.

- Tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 20/9/2012 đến ngày 20/3/2013) là: 230.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 06 (sáu) tháng = 15.525.000 (Mười lăm triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

- Tiền lãi quá hạn là (tính từ ngày 21/3/2013 đến 20/12/2018) là: 230.000.000 đồng x 0,75%/tháng (9%/năm) x 69 tháng = 119.025.000 (Một trăm mười chín triệu không trăm hai mươi lăm ngàn) đồng.

- Tổng cộng cả vốn và lãi là: 364.550.000 (Ba trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng. Buộc ông Huỳnh Công S có trách nhiệm trả khoản tiền trên cho bà Trần Thị H làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông S chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo án tuyên thì ông S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.9] Đối với việc ông S xin trả dần số tiền vốn gốc trong thời hạn 03 năm và xin miễn trả tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn, Hội đồng xét xử xét thấy ông S nợ bà H số tiền trên đã lâu, từ khi vay đến nay ông S chưa có thiện chí trả bất cứ số tiền nào kể cả tiền vốn gốc và tiền lãi nên việc xin trả dần làm kéo dài thời gian trả nợ sẽ gây thiệt hại cho phía bà H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông S.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp một phần nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể, ông Huỳnh Công S phải chịu 18.227.500 (Mười tám triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận; tuy nhiên, do bà Trần Thị H có đơn xin miễn giảm án phí vì là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Trần Thị H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 471, khoản 1 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với ông Huỳnh Công S.

Buộc ông Huỳnh Công S có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị H số tiền 364.550.000 (Ba trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng theo phương thức trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu ông Huỳnh Công S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì ông Huỳnh Công S còn phải trả thêm lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên giao nhận tiền tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. “Hợp đồng vay tiền” ngày 22/9/2012 giữa bà Trần Thị H và ông Huỳnh Công S không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ông Huỳnh Công S trả hết số tiền trên cho bà Trần Thị H.

3. Về án phí: Ông Huỳnh Công S phải chịu 18.227.500 (Mười tám triệu hai trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H được miễn án phí do là người cao tuổi.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền